



Địa chỉ: Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, phường
Bình Khánh, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

SĐT: 0296.3852969

Email: Cokhiangiang@gmail.com

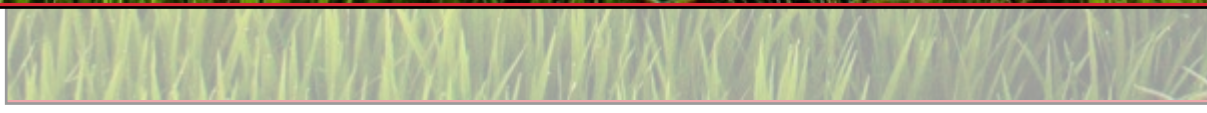
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2020







MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

03 BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

04 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

05 BÁO CÁO TÀI CHÍNH





THÔNG TIN CHUNG

- » Thông tin chung
- » Quá trình phát triển
- » Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- » Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- » Định hướng phát triển
- » Các yếu tố rủi ro

01

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty	:	Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
Tên viết tắt	:	ANGIMECO (AMC)
Tên tiếng Anh	:	AN GIANG MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	:	Số 1600111049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2007, cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 28/05/2020.
Vốn điều lệ	:	32.864.040.000 đồng
Mã chứng khoán	:	CKA
Trụ sở chính	:	Số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
Số điện thoại	:	(0296).3852 969
Số fax	:	(0296).3853 052
Email	:	Cokhiangiang@agm.vn
Website	:	www.cokhiangiang.com

LOGO CÔNG TY





QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

1976

Ngày 04/09/1976, Xí Nghiệp Cơ Khí tỉnh được thành lập theo quyết định số 117/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh An Giang, với cơ sở vật chất và trang thiết bị ban đầu gồm toàn bộ tài sản của Trường Kỹ thuật tỉnh An Giang do chế độ Sài Gòn cũ xây dựng và trang bị từ năm 1966 để lại.

2007

Ngày 29/05/2007, Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp có quyết định số 17/MĐL- NN/QĐ- HĐQT về việc tiếp nhận Công ty Cơ Khí An Giang về làm thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp.

Ngày 07/12/2007, Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000080, hoàn toàn chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

1992

Ngày 21/11/1992, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được thành lập lại theo Nghị định số 388/ HĐ.BT của Hội Đồng Bộ Trưởng trên cơ sở sáp nhập các Xí Nghiệp Cơ Khí Huyện và Thị xã vào để hình thành nên Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang.

2009

Ngày 24/03/2009, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 19.427.170.000 đồng lên 28.577.430.000 đồng.

1999

Ngày 20/04/1999, Xí Nghiệp Cơ Khí An Giang được đổi tên thành Công ty Cơ Khí An Giang theo quyết định số 764/ QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang và tiếp tục hoạt động cho đến ngày hôm nay.



2013

Ngày 26/04/2013, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bổ sung vốn điều lệ, tăng vốn điều lệ từ 28.577.430.000 đồng lên 32.864.040.000 đồng.



2016

Ngày 04/09/2016, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (04/09/1976 – 04/09/2016).



2018

12/6/2018, Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Mã chứng khoán của Công ty là CKA.

10/10/2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là CKA, giá trị giao dịch là 32.864.040.000 đồng.

17/10/2018, ngày giao dịch đầu tiên trên sàn UPCOM với giá tham chiếu là 20.000 đồng/cổ phiếu.



2019

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cơ khí An Giang nhất trí thông qua ngày 23/04/2019 về việc sửa đổi Điều lệ Công ty lần 04.

24/10/2019, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang công bố sử dụng mẫu con dấu mới.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599 (Chính)
2	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
3	Đúc sắt, thép	2431
4	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
5	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
6	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
7	Tái chế phế liệu	3830
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
10	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
14	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
15	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
16	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
17	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
18	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

STT	Tên ngành	Mã ngành
19	Đóng tàu và cấu kiện nổi	301 1
20	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
21	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
24	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
25	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
26	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
27	Bốc xếp hàng hóa	5224
28	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
31	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
32	Xây dựng công trình đường sắt	4211
33	Lắp đặt hệ thống điện	4321
34	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
36	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
37	Bán mô tô, xe máy	4541
38	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
39	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
40	Dịch vụ ăn uống khác	5629

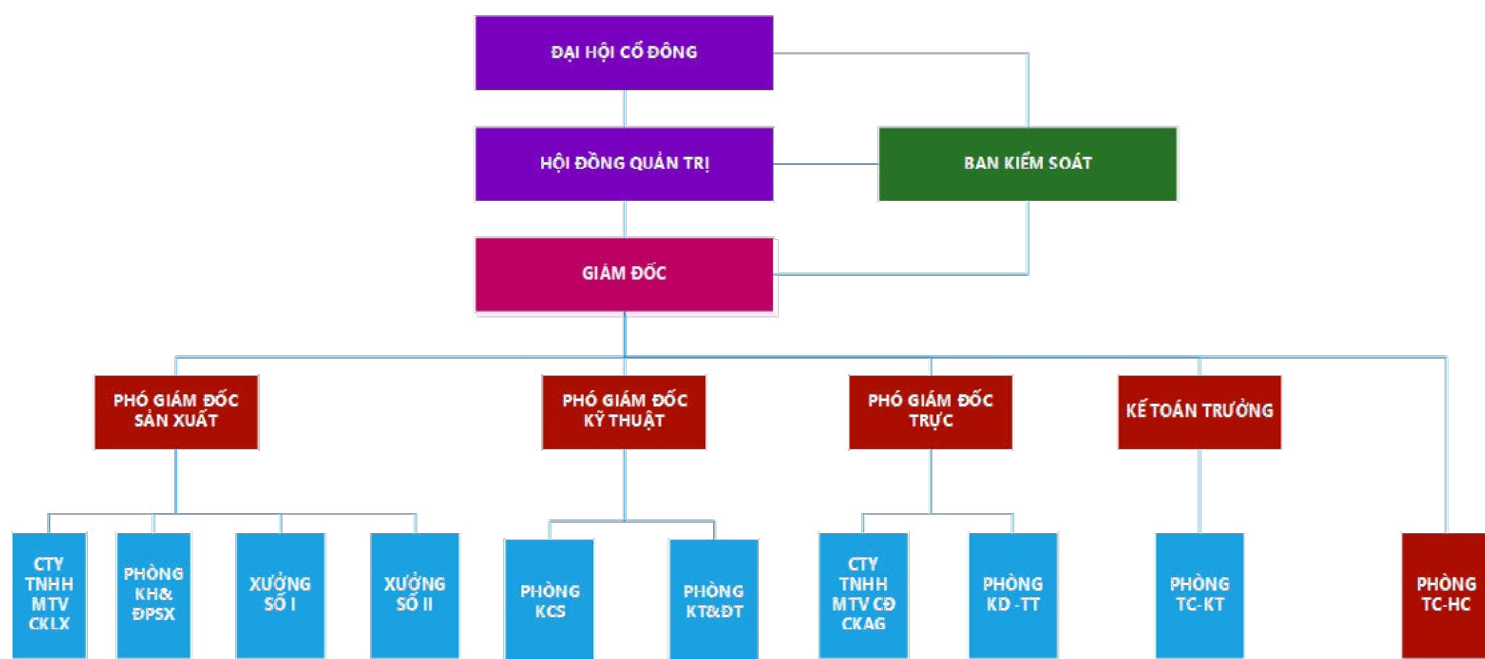
Địa bàn kinh doanh

Công ty hiện đang hoạt động chủ yếu ở khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, với diện tích khoảng bốn triệu héc-ta, Đồng Bằng Sông Cửu Long sản xuất 50% sản lượng lương thực và đóng góp 20% GDP cả nước.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Bộ máy quản lý



Công ty con

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ LONG XUYÊN

Địa chỉ: 1785 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Điện thoại: 0296.3833792 – 2211314 – 834365

Fax: 0296.3835770

Vốn điều lệ: 4.584.859.059 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100,00%

CÔNG TY TNHH MTV CẦU ĐƯỜNG CƠ KHÍ AN GIANG

Địa chỉ: 839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3989753

Fax: 0296.3989755

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100,00%

Công ty liên doanh

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO

Địa chỉ: Ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Điện thoại: 0296.3874616

Fax: 0296.3772249

Vốn đầu tư vào Công ty TNHH Liên Doanh Antraco là 7.956.213.357 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 49% vốn điều lệ, 50% quyền biểu quyết

Định hướng phát triển

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Nằm trong trung tâm nông nghiệp của Đồng Bằng Sông Cửu Long và của cả nước, Cơ khí An Giang được trao sứ mệnh tiên phong trong công cuộc cơ giới hóa, tự động hóa, hiện đại hóa nông thôn và sản xuất nông nghiệp. Công ty luôn cố gắng, nỗ lực để đáp ứng tốt nhất nhu cầu khách hàng, và để duy trì vị thế hàng đầu trong lĩnh vực hoạt động. Các sản phẩm và dịch vụ của Công ty không những thống lĩnh thị trường trong nước mà còn vươn ra thị trường quốc tế.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.
- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thị trường, nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.
- Công ty tiếp tục đầu tư mua sắm máy móc, trang thiết bị nhằm đổi mới công nghệ theo hướng tự động hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực sản xuất và bảo vệ môi trường.
- Ban Giám đốc điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

Các nhân tố rủi ro

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2020, dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) tốc độ tăng trưởng GDP năm 2020 của Thế giới ước giảm 4,4%. Trong bối cảnh đó, Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trên thế giới và là quốc gia duy nhất trong khu vực ASEAN đạt tăng trưởng dương. Theo số liệu của Tổng cục thống kê năm 2020, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng trưởng 2,91% so với năm 2019. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 3,36% so với năm 2019, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 5,82%, giữ vai trò chủ chốt dẫn dắt mức tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và toàn nền kinh tế. Lĩnh vực Công ty hoạt động là công nghiệp chế tạo, có mối quan hệ chặt chẽ với ngành công nghiệp và nền kinh tế. Nhìn lại năm 2020 khi nền kinh tế bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh Covid -19 thì hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tuy nhiên, năm 2021 được kì vọng là một năm phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Việt Nam, theo số liệu dự báo của Ngân Hàng Thế Giới (WB), GDP của Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng 6,8% vào năm 2021. Do đó, Công ty cần phải liên tục cập nhật những biến động mới nhất của cả nền kinh tế để từ đó có những bước đi phù hợp, tận dụng cơ hội và giảm thiểu tác động tiêu cực từ rủi ro kinh tế.



Rủi ro lãi suất

Trong năm 2020, mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6,0 - 9,0%/năm đối với ngắn hạn; 9,0 - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Ngày 30/9/2020, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phát đi thông cáo tiếp tục điều chỉnh các loại lãi suất điều hành để hỗ trợ nền kinh tế ứng phó với đại dịch Covid-19, NHNN quyết định giảm lãi suất tái cấp vốn từ 4,5%/năm xuống 4,0%/năm; lãi suất tái chiết khấu từ 3,0%/năm xuống 2,5%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN đối với các ngân hàng từ 5,5%/năm xuống 5,0%/năm. Chính sách lãi suất này đang mang lại những lợi ích nhất định cho các doanh nghiệp đi vay trong đó có CKA. Tuy nhiên, Công ty cần phải liên tục theo dõi những biến động của lãi suất cho vay để từ đó kịp thời đưa ra những điều chỉnh về cơ cấu nguồn vốn, giảm thiểu tối đa những tác động từ rủi ro về lãi suất.

Rủi ro cạnh tranh

Thị trường máy nông nghiệp cạnh tranh ngày càng gay gắt, đặc biệt là cạnh tranh về giá. Theo báo cáo từ Bộ Công thương, Việt Nam phải nhập khẩu gần 70% số máy móc phục vụ nông nghiệp, phần lớn trong số đó có nguồn gốc từ Trung Quốc. Hiện máy nông nghiệp Việt Nam mới chỉ chiếm gần 30% thị phần, 60% là máy nhập khẩu từ Trung Quốc, còn lại là Nhật Bản và Hàn Quốc. So sánh cùng chủng loại, máy sản xuất trong nước đắt hơn máy của Trung Quốc từ 15 - 20%. Nhận thấy được rủi ro đó, Công ty luôn tìm kiếm giải pháp đẩy mạnh năng suất sản xuất, đầu tư mới các thiết bị, ứng dụng công nghệ nhằm làm tăng hiệu quả sử dụng tài sản mang về hiệu quả kinh doanh cho Công ty tốt nhất.

Rủi ro pháp luật

CKA là một chủ thể hoạt động kinh doanh trong thị trường hiện nay nên hoạt động của Công ty chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động...

Với việc hệ thống pháp luật liên quan đang trong giai đoạn hoàn thiện, văn bản pháp luật mới liên tục được ban hành, các chính sách của Nhà nước được thay đổi dần để bắt kịp với sự phát triển của thế giới. Khi có sự thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty luôn thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh của mình và các lĩnh vực có liên quan khác để kịp thời có những chiến lược đúng đắn trong từng thời kỳ.



Các nhân tố rủi ro

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh. Trong đó, thuế VAT của vật tư nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất máy nông nghiệp không được khấu trừ, dẫn đến việc chi phí sản xuất của ngành nói chung và Công ty nói riêng tương đối cao. Hàng sản xuất trong nước sẽ bị bất lợi về giá do chính sách thuế VAT so với hàng nhập khẩu từ nước ngoài. Hơn thế nữa, giá cả ký hợp đồng với các khách hàng ngày càng cạnh tranh, vừa phải làm hài lòng khách hàng về dịch vụ mà còn phải làm hài lòng về giá cả. Do đó, việc quản lý nguyên vật liệu đầu vào và tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp luôn là vấn đề nan giải đối với các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty nói riêng.



Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin phòng ngừa tổn thất lớn xảy ra.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRỌNG NĂM

- » Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- » Tổ chức và nhân sự
- » Tình hình cổ đông thay đổi vốn đầu tư Chủ sở hữu
- » Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

02

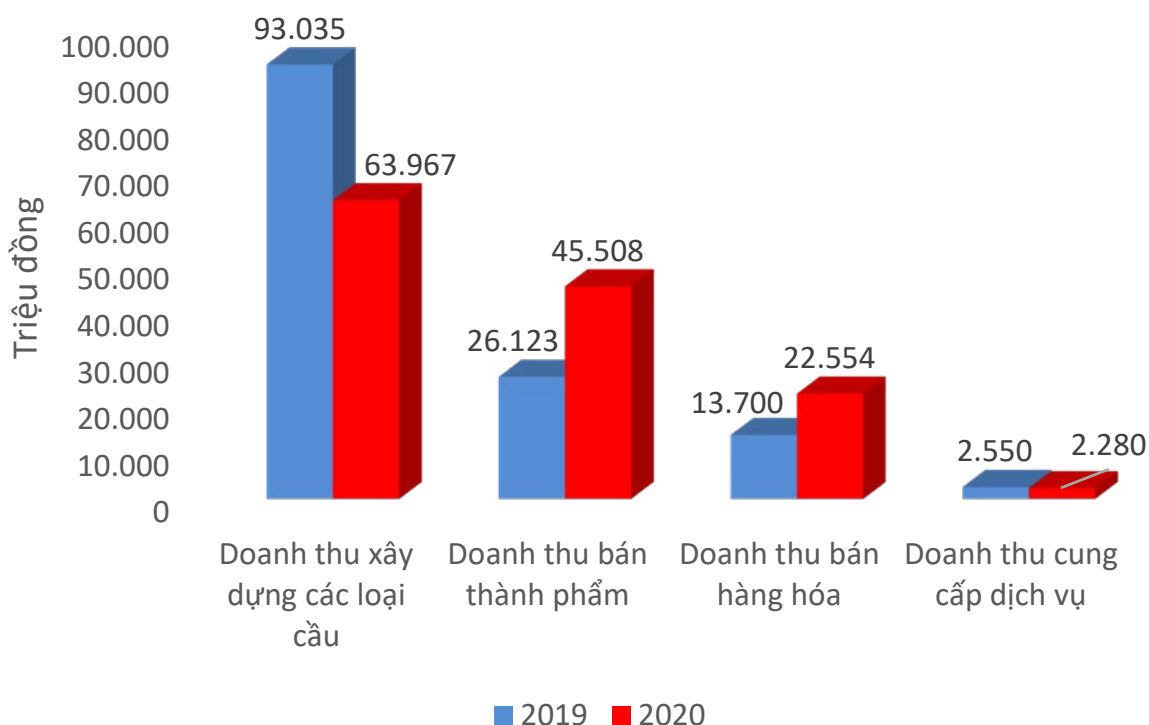
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh

STT	Doanh thu thuần	Năm 2019		Năm 2020		% Năm 2020/ Năm 2019
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu xây dựng các loại cầu	93.035	68,71%	63.967	47,63%	68,76%
2	Doanh thu bán thành phẩm	26.123	19,29%	45.508	33,88%	174,21%
3	Doanh thu bán hàng hóa	13.700	10,12%	22.554	16,79%	164,63%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.550	1,88%	2.280	1,70%	89,42%
Tổng cộng		135.407	100,00%	134.309	100,00%	99,19%

Trong năm 2020, tổng doanh thu của Công ty giảm nhẹ 0,81% so với năm 2019. Doanh thu bán thành phẩm và doanh thu bán hàng hóa trong năm 2020 ghi nhận tăng lần lượt 74,21% và 64,63% so với năm 2019. Doanh thu xây dựng các loại cầu và cung cấp dịch vụ ghi nhận giảm lần lượt 31,24% và 10,58%

Cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch, ghi nhận tỷ trọng tăng ở doanh thu bán thành phẩm và bán hàng hóa; giảm tỷ trọng ở doanh thu xây dựng các loại cầu; giảm nhẹ không đáng kể ở doanh thu cung cấp dịch vụ.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Chí Thành	Giám đốc	120.108	3,65%
2	Trần Văn Thái	Phó Giám đốc	58.275	1,77%
3	Lê Thanh Vân	Phó Giám đốc	92.615	2,82%
4	Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	53.198	16,12%
5	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phó Trưởng Phòng Kế toán		



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

ÔNG NGUYỄN CHÍ THÀNH

Ngày sinh	12/08/1961
Nơi sinh	Xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Antraco
Số cổ phần nắm giữ hiện nay	120.108 cổ phần, chiếm 3,65% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu tại Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan	Không có.

Quá trình công tác

18/02/1985 – 14/07/1986	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
15/7/1986 – 31/01/1989	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử mới, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
01/01/1990 – 14/11/1990	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Gò hàn– Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
15/11/1990 – 31/7/1991	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
01/8/1991 – 18/2/1992	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang
19/2/1992 – 21/5/1993	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
22/5/1993 – 19/03/1995	Phó phòng Kỹ thuật KCS, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
20/3/1995 – 31/7/1995	Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
01/8/1995 – 23/10/1996	Trưởng phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
24/10/1996 – 05/5/1999	Phó Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang
06/5/1999 – 09/11/2007	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang.
10/11/2007 – 31/12/2007	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.
01/01/2008 – 08/9/2011	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên.
09/9/2011 – 31/5/2015	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc trực Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.
01/6/2015 – nay	TV HĐQT – Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

ÔNG TRẦN VĂN THÁI

Ngày sinh	03/01/1963
Nơi sinh	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang, thành viên HĐQT Công ty liên doanh Antraco
Số cổ phần nắm giữ hiện nay	58.275 cổ phần, chiếm 1,77% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu tại Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan	Không có.

Quá trình công tác

18/2/1985 – 31/7/1985	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang.
18/2/1985 – 31/7/1985	Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
15/7/1986 – 05/5/1993	Cán bộ kỹ thuật Ban nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
06/5/1993 – 23/2/1994	Phó Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
24/2/1994 – 14/3/1995	Phó trưởng Phân xưởng sản xuất thuộc Ban Quản trị sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
15/3/1995 – 31/7/1995	Phó Quản đốc Xưởng Sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
01/8/1995 – 09/3/1996	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
10/3/1996 – 18/6/1997	Trưởng phòng Tiếp thị, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
19/6/1997 – 23/11/1998	Trưởng ban Ban Tiếp thị & Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2.
24/11/1998 – 05/05/1999	Trợ lý Giám đốc – Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2.
06/05/1999 – 11/5/1999	Trợ lý Giám đốc kiêm Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên – Công ty Cơ khí An Giang.
12/5/1999 – 27/4/2000	Trợ lý Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí Long Xuyên – Công ty Cơ khí An Giang.
28/4/2000 – 18/11/2007	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí An Giang.
19/11/2007 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

ÔNG LÊ THANH VÂN

Ngày sinh	16/12/1964
Nơi sinh	Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí ngành đúc nhiệt luyện.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên, Ủy viên Ban Kiểm soát Công ty liên doanh Antraco
Số cổ phần nắm giữ hiện nay	92.615 cổ phần, chiếm 2,82% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu tại Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan	Không có.

Quá trình công tác

15/01/1990 – 31/3/1990	Cán bộ kỹ thuật Phân xưởng Đúc, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
01/4/1990 – 20/11/1992	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí tỉnh An Giang.
21/11/1992 – 18/06/1997	Cán bộ kỹ thuật Ban Kỹ thuật Nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ khí An Giang.
19/06/1997 – 06/10/1998	Phó phòng Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
07/10/1998 – 01/11/1998	Phó Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
02/11/1998 – 08/9/2011	Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
09/9/2011 – 08/6/2014	Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang
09/6/2014 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang

ÔNG HUỲNH VĂN AN

Ngày sinh	27/5/1972
Nơi sinh	Lấp Vò – Đồng Tháp
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ khí
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Giám đốc Công ty
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ hiện nay	53.198 cổ phần, chiếm 1,62% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu tại Công ty khác	Không có.
Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan	Không có.

Quá trình công tác

1996	Nhân viên tại CKA
2003	Phó trưởng phòng Kỹ thuật
2011	Trưởng phòng Kỹ thuật và Đầu tư Công ty
2019	Phó Giám đốc Công ty

BÀ PHAN THỊ NGỌC LAN THANH

Ngày sinh	1981
Nơi sinh	An Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Trưởng phòng Tài Chính Kế toán
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang
Số cổ phần nắm giữ hiện nay	Không có
Tỷ lệ sở hữu tại Công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ hiện nay của người có liên quan	Không có

Quá trình công tác

08/2005 - 08/2011:	Nhân viên kế toán CTCP Giấy Tân Việt Phát
05/2012 - nay	Phụ trách kế toán Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông: Trần Văn Tuấn Anh	Chủ tịch HĐQT	23/4/2019	
2	Ông: Đồng Trọng Nghĩa	TV. HĐQT không điều hành	22/05/2020	
3	Ông: Nguyễn Chí Thành	TV. HĐQT - Giám đốc	09/06/2020	
4	Ông: Trần Văn Thái	TV. HĐQT - Phó GD	09/06/2020	
5	Ông: Lê Thanh Vân	TV. HĐQT - Phó GD	09/06/2020	
6	Ông: Nguyễn Minh Ngọc	TV. HĐQT không điều hành		22/05/2020



Số lượng cán bộ công nhân viên

Phân loại người lao động

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo trình độ lao động	151	100,00%
1	Trình độ trên đại học	2	1,32%
2	Trình độ đại học, cao đẳng	37	24,50%
3	Trình độ trung cấp	11	7,28%
4	Công nhân kỹ thuật	100	66,23%
5	Lao động phổ thông	1	0,66%
II	Theo loại hợp đồng lao động	151	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	131	86,75%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0,00%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	20	13,25%
III	Theo giới tính	151	100,00%
1	Nam	144	95,36%
2	Nữ	7	4,64%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	250	242	228	228
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.970.000	8.114.000	8.683.000	8.683.000

Chính sách nhân sự

Về tuyển dụng, đào tạo

Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, cụ thể, phù hợp với từng vị trí công tác. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng cao năng lực của người lao động, giúp người lao động thích nghi với môi trường làm việc ngày càng đề cao năng suất lao động, nhằm giúp người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty tổ chức làm việc 08 giờ/ngày, ... ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ, và được hưởng chế độ đãi ngộ thỏa đáng theo quy định của Bộ luật Lao động.

Nghỉ phép, Tết, lễ: Người lao động được nghỉ lễ và nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động. Người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động làm việc dưới 12 tháng thì số ngày nghỉ phép được tính theo thời gian làm việc thực tế tại Công ty, cứ 01 tháng tương đương với 01 ngày nghỉ phép. Ngoài ra, với người lao động đã gắn bó trên 05 năm với Công ty, cứ 05 năm làm việc, được cộng thêm 01 ngày nghỉ phép.

Nghỉ ốm, thai sản: Người lao động khi ốm đau được khám bệnh và điều trị tại các cơ sở y tế theo chế độ bảo hiểm xã hội và được hưởng trợ cấp ốm đau theo quy định của Bảo hiểm xã hội.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang thoáng mát, đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động; các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

Chế độ làm việc

Công ty xây dựng thang bảng lương, thưởng cụ thể vừa đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, vừa phù hợp với từng vị trí công tác. Ngoài ra, các chính sách lương, thưởng còn dựa trên hiệu quả làm việc nhằm khích lệ người lao động đạt được hiệu suất làm việc cao.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chăm lo cho sức khỏe công nhân bằng cách tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; nộp đầy đủ và đúng hạn BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ cho người lao động. Đối với công nhân làm việc tại xưởng, Công ty cung cấp đầy đủ trang bị bảo hộ lao động. Hàng năm, Cơ khí An Giang cũng tổ chức tham quan du lịch cho người lao động.

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Đầu tư, xây dựng cơ bản:

Năm 2020 Công ty xây mới nhà bảo vệ, đầu tư thêm trang thiết bị phục vụ sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, cụ thể:

- Tại VPCT: tổng giá trị đầu tư là 3.318.661.064 đồng bao gồm:

- + Nhà bảo vệ: 92.175.609 đồng
- + Máy tiện CNC: 2.838.940.000 đồng
- + Máy cắt plasma: 134.545.455 đồng
- + Máy hàn Mig: 68.000.000 đồng
- + Xe nâng 1,5 tấn: 105.000.000 đồng
- + Máy phun sơn tĩnh điện: 80.000.000 đồng

- Tại Cty TNHH MTV Cầu Đường Cơ khí An Giang: mua sắm 1 máy phát hàn có giá trị là 68.500.000 đồng.

Nghiên cứu phát triển:

Về công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới tiếp tục được Công ty quan tâm thực hiện, công ty đã triển khai và bán ra thị trường nhiều sản phẩm mới cụ thể như sau: Máy sàng đường phèn năng suất 5 tấn/giờ; Máy sấy lúa giống kiểu tháp 10 tấn/mẻ; Thiết bị điều khiển tự động của xe đào chuyển đổi từ động cơ diesel sang động cơ điện; và một số sản phẩm cầu thép mới.

Trong năm 2020 công ty đang thử nghiệm nhiều sản phẩm mới khác.



Tình hình tài chính

Các khoản phải thu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	12/31/2019	12/31/2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	65.568	63.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	530	1.756
Phải thu ngắn hạn khác	22.858	20.822
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.128)	(1.829)
Khoản phải thu	86.829	84.197

Trong năm 2020, khoản phải thu của Công ty giảm 3,03% so với năm 2019. Khoản phải thu khách hàng giảm 3,23% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu do giảm khoản phải thu đối với khách hàng là Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn và Phòng Kinh tế hạ Tầng – huyện Thoại Sơn. Trong năm, Công ty cũng ghi nhận giảm đối với khoản phải thu ngắn hạn khác và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, mức giảm lần lượt là 8,91% và 14,06% so với năm 2019.

Bên cạnh đó, trong năm ghi nhận khoản trả trước cho người bán tăng 2,31 lần so với năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty tiến hành trả trước cho Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông – Chi nhánh Cần Thơ và các nhà cung cấp khác.



Các khoản phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	12/31/2019	12/31/2020
Nợ ngắn hạn	99.059	56.088
Phải trả người bán ngắn hạn	5.431	8.904
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.786	2.054
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.128	2.490
Phải trả người lao động	1.645	1.650
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.253	7.766
Phải trả ngắn hạn khác	7.689	7.649
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.121	3.575
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	34.005	22.000
Nợ dài hạn	240	211
Phải trả dài hạn khác	90	90
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	150	121

Năm 2020, tổng nợ phải trả của Công ty giảm 43,30%, trong đó nợ ngắn hạn và dài hạn lần lượt giảm 43,38% và 11,87%. Nguyên nhân nợ phải trả trong năm giảm chủ yếu do vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 12 tỷ đồng, tương ứng giảm 35,30% so với năm 2019. Bên cạnh đó khoản người mua trả tiền trước giảm mạnh 32,73 tỷ đồng, tương ứng giảm 94,10% so với năm 2019.

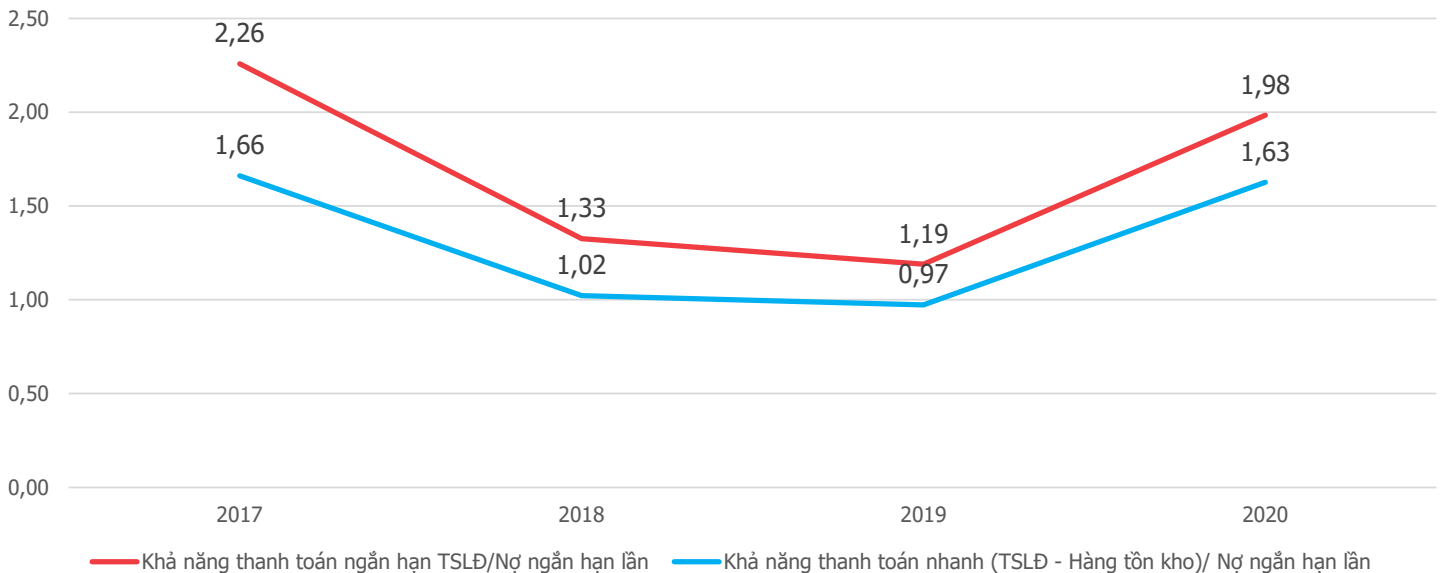


Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

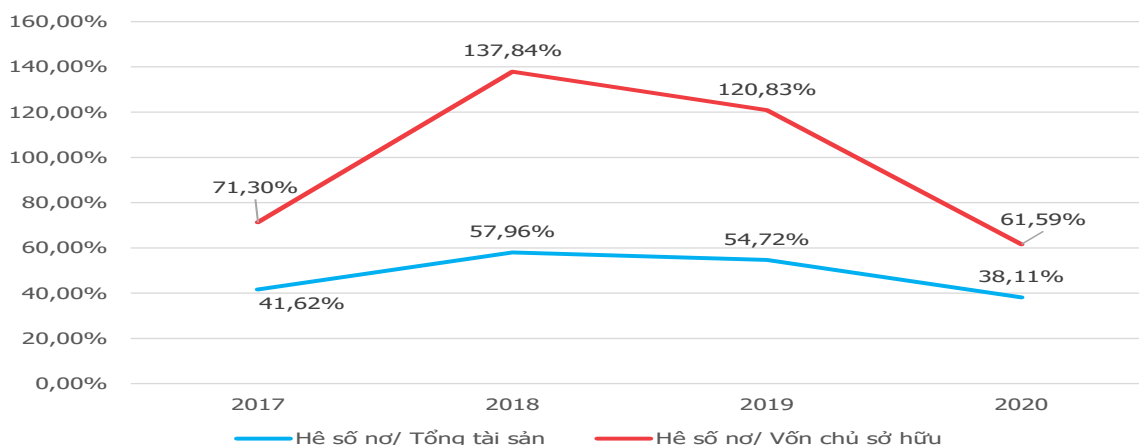
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2019	2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,19	1,98
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,97	1,63
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	54,72	38,11
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	120,83	61,59
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,94	5,38
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,75	0,82
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	11,57	14,13
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19,86	21,85
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,67	11,52

Khả năng thanh toán



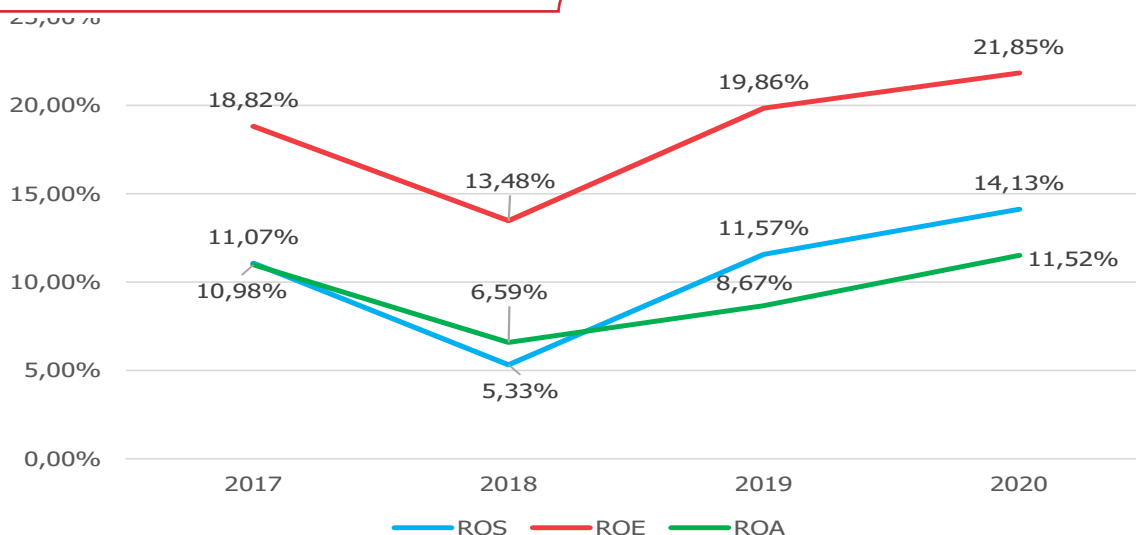
Trong năm 2020, Hệ số khả năng thanh toán và thanh toán nhanh của Công ty tăng lần lượt đạt 1,98 và 1,63. Các hệ số khả năng thanh toán tăng do nợ ngắn hạn trong năm nay giảm gần 43 tỷ đồng so với năm 2019, trong khi đó tài sản ngắn hạn chỉ giảm 6,5 tỷ đồng. Nhìn chung, Công ty vẫn đảm bảo tính thanh khoản và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Cơ cấu vốn



Hệ số nợ/Tổng tài sản và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu giảm so với năm 2019, lần lượt đạt 38,11% và 61,59%. Cơ cấu vốn năm 2020 ghi nhận có sự thay đổi đáng kể nhưng vẫn đảm bảo phù hợp với tính chất hoạt động của Công ty.

Khả năng sinh lời



Trong năm 2020, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty đều tăng so với năm 2019. Các chỉ số ROS, ROA, ROE lần lượt ghi nhận đạt 14,13%, 11,52% và 21,85%. Nguyên nhân chủ yếu do năm nay Công ty kiểm soát tốt chi phí đầu vào cũng như đầu ra. Chi phí tài chính, bán hàng, quản lý doanh nghiệp lần lượt ghi nhận giảm 42,49%, 2,73% và 2,73%. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính tăng 12,73% so với năm 2019 cũng đã góp phần làm các chỉ số khả năng sinh lời của Công ty tăng trưởng trong năm 2020.

Năng lực hoạt động

Năm 2020, vòng quay hàng tồn kho tăng so với năm 2019 đạt 5,38 chủ yếu do giá vốn hàng bán tăng và tồn kho bình quân trong năm 2020 giảm từ đó làm hệ số vòng quay hàng tồn kho tăng.

Vòng quay tổng tài sản trong năm nay cũng ghi nhận tăng so với năm 2019 ghi nhận đạt 0,82. Chủ yếu do tổng tài sản trong năm nay giảm so với năm 2019.

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.286.404 đồng
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.286.404 đồng
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000/cổ phần

Cơ cấu cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2020

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	181	3.266.104	99,38%
1	Cổ đông nhà nước	1	1.558.072	47,41%
2	Cổ đông tổ chức	2	126.874	3,86%
3	Cổ đông cá nhân	178	1.581.158	48,11%
II	Cổ đông nước ngoài	2	20.300	0,62%
1	Cá nhân	1	5.300	0,16%
2	Tổ chức	1	15.000	0,46%
III	Cổ phiếu quỹ			
	Tổng cộng		3.286.404	100,00%

Báo cáo phát triển bền vững

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện các vấn đề về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp như sau:
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
- Thường xuyên cập nhật và kiểm soát các mối nguy, rủi ro từ hoạt động sản xuất để ngăn ngừa sự ô nhiễm đối với môi trường, nâng cao mức độ an toàn lao động, sức khỏe cho nhân viên và cộng đồng.
- Huấn luyện định kỳ cho công nhân biết được và thấu hiểu các tác nhân gây ảnh hưởng tới môi trường cũng như an toàn sức khỏe nghề nghiệp của chính họ.
- Ngoài ra, Công ty có xây dựng đề án bảo vệ môi trường, đồng thời đã thực hiện đầy đủ các nội dung giải pháp trong đề án đưa ra, nhằm đảm bảo tốt môi trường làm việc cho người lao động và bảo vệ môi trường chung, các công trình cụ thể như: các bể xử lý nước thải sinh hoạt của người lao động, thiết bị xử lý bụi, nhà để rác thải nguy hại, trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt, nhà chứa phế liệu...

Chính sách liên quan đến người lao động

Ngoài các chế độ lương, thưởng phù hợp, Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, nhân viên, người lao động và trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân. Tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ cho cán bộ công nhân viên. Thực hiện tốt công tác kiểm tra an toàn ở các bộ phận sản xuất, các thiết bị được kiểm định về an toàn, trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định nhằm đảm bảo an toàn cho công nhân làm việc tại xưởng. Duy trì việc thực hiện tăng cường công tác an toàn, phòng chống cháy nổ trước và trong dịp Tết nguyên đán. Trong năm, Công ty không để xảy ra bất kì vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào.



Báo cáo phát triển bền vững

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty, Công đoàn cơ sở luôn luôn quan tâm và chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; hỗ trợ, giúp đỡ gia đình khi gặp khó khăn; phát quà cho con em cán bộ, nhân viên của Công ty nhân ngày Tết trung thu và Quốc tế Thiếu nhi.

Công ty cũng luôn quan tâm tham gia thực hiện hỗ trợ các phong trào ở địa phương và trong khu vực, với các hoạt động cụ thể như: hỗ trợ kinh phí dịch bệnh; hỗ trợ vật chất cho trường tiểu học B Ô Long Vĩ ở huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; quỹ vì người nghèo- Cây mùa xuân; quỹ người già neo đơn- trẻ mồ côi; quà cho người nghèo đón Tết; Mái ấm công đoàn; Tết Quân Dân y tỉnh An Giang; Nhà công nhân ở An Giang bị tốc mái do thiên tai; Đồng bào Miền Trung bị thiệt hại do mưa lũ,... năm 2020 thực hiện với tổng số tiền là: 183.622.000 đồng.

Tại Công ty Liên doanh Antraco đã thực hiện công tác an sinh xã hội tại địa phương như hỗ trợ địa phương theo Biên bản ghi nhớ, tài trợ xây dựng nhà Đại đoàn kết, hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa, quỹ học bổng, tài trợ giáo dục, phụng dưỡng mẹ Việt Nam Anh Hùng,.. năm 2020 thực hiện với tổng số tiền là: 6.660.408.194 đồng.





BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- » Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- » Tình hình tài chính
- » Những cải thiện về chính sách quản lý
- » Kế hoạch phát triển trong tương lai
- » Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

03

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm
Doanh thu thuần	135.385	134.211	-0,87%
Giá vốn hàng bán	107.164	111.330	3,89%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.221	22.881	-18,92%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.486	18.794	14,00%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.670	18.962	21,01%

Trong năm 2020, Tổng tài sản của Công ty ghi nhận giảm 18,61%, chủ yếu do tài sản dài hạn giảm. Cụ thể khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm 28,02 tỷ đồng so với năm 2019. Dự án Xây dựng trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo và trang bị cho Trung tâm, Công ty đã thực hiện chuyển giao tài sản cho Công ty TNHH Toyota Cần Thơ để toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án.

Doanh thu thuần của Công ty trong năm 2020 giảm nhẹ 0,87% so với năm 2019. Lợi nhuận gộp giảm 18,92% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty ghi nhận tăng 21,01% so với năm 2019, chủ yếu nhờ Công ty đã kiểm soát tốt chi phí đầu vào cũng như đầu ra. Bên cạnh đó, doanh thu hoạt động tài chính trong năm nay tăng 12,73% đã góp phần làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng so với năm 2019.

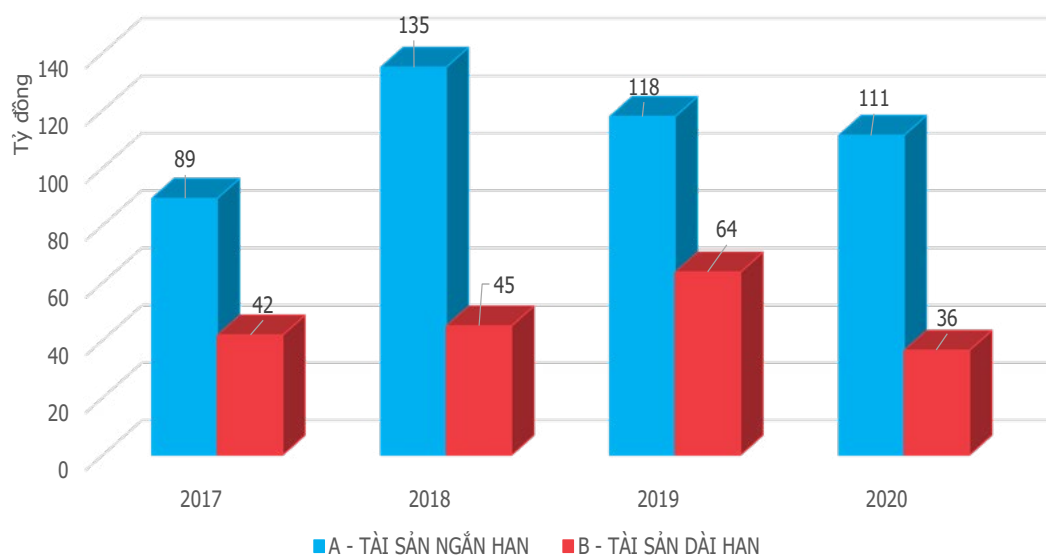


Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	117.819	64,92%	111.264	75%
Tài sản dài hạn	63.661	35,08%	36.446	25%
Tổng tài sản	181.481	100,00%	147.710	100%

Tài sản ngắn hạn và dài hạn của Công ty trong năm 2020 đều ghi nhận giảm so với năm 2019. Trong đó, nguyên nhân chủ yếu làm cho tổng tài sản giảm đến từ việc khoản chi phí xây dựng dở dang giảm 28.02 tỷ đồng so với năm 2019, trong năm Công ty đã hoàn thành dự án xây dựng trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô và đã chuyển giao tài sản cho Công ty TNHH Toyota Cần Thơ.



ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	99.059	54,58%	56.088	37,97%
Nợ dài hạn	240	0,13%	211	0,14%
Vốn chủ sở hữu	82.182	45,28%	91.411	61,89%
Tổng nguồn vốn	181.481	100,00%	147.710	100%

Tổng nợ phải trả trong năm 2020 ghi nhận giảm 43,30% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu đến từ khoản nợ ngắn hạn giảm 42,97 tỷ đồng so với năm 2019. Cụ thể hai khoản vay - nợ thuê tài chính, và người mua trả tiền trước chiếm tỷ trọng cao trong khoản giảm nợ ngắn hạn lần lượt ghi nhận giảm 12 tỷ đồng và 32 tỷ đồng so với năm 2019.

Vốn chủ sở hữu tăng 11,26% so với năm 2019. Nguyên nhân do lợi nhuận chưa phân phối trong năm cao hơn 7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Thị trường kinh doanh

Công ty giới thiệu và quảng cáo các sản phẩm trên báo đài và trên trang Web, facebook, zalo, youtube, quảng cáo trên báo đài, tham gia các hội chợ triển lãm, quảng cáo trên báo Trung Tâm Khuyến Công tỉnh An Giang, sử dụng tờ rơi để tiếp cận người tiêu dùng, nhằm giới thiệu chính sách bán hàng, chất lượng các sản phẩm của Công ty.

Tăng cường công tác quan hệ với các địa phương đối với sản phẩm cầu thép và làm tốt dịch vụ hậu mãi đối với sản phẩm: quạt sấy, sơn tĩnh điện,...

Thông qua việc tiếp cận khách hàng để tìm kiếm thêm các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa mặt hàng và tăng lượng khách hàng.

Thường xuyên đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ kinh doanh để phát triển thị trường và tạo nguồn nhân lực cho tương lai.

Nghiên cứu phát triển

Về công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới tiếp tục được Công ty quan tâm thực hiện, công ty đã triển khai và bán ra thị trường nhiều sản phẩm mới cụ thể như sau: Máy sàng đường phèn năng suất 5 tấn/giờ; Máy sấy lúa giống kiểu tháp 10 tấn/mẻ; Thiết bị điều khiển tự động của xe đào chuyển đổi từ động cơ diesel sang động cơ điện; và một số sản phẩm cầu thép mới.

Trong năm 2020 công ty đang thử nghiệm nhiều sản phẩm mới khác.



Công tác tổ chức

Công tác quản lý và điều hành các hoạt động toàn Công ty luôn được Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành đặt thành nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu.

Tổ chức bộ máy gồm: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, 6 phòng, 2 xưởng, 2 Công ty con (Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang và Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên), liên doanh gồm 1 đơn vị (Công ty TNHH Liên doanh ANTRACO).

Trong nhiều năm qua, đội ngũ cán bộ quản lý có nhiều kinh nghiệm, năng lực, thực hiện tốt công tác tổ chức điều hành, phân công hợp lý nên đạt được hiệu suất làm việc cao. Từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ngày càng phát triển.

Toàn thể cán bộ, nhân viên và người lao động nhiệt tình, năng động, sáng tạo trong công việc và luôn đoàn kết cùng nhau vượt qua khó khăn với mong muốn có được cuộc sống ngày càng ổn định.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Hiện nay dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp và khó lường, có tác động xấu đến nền kinh tế cả nước nói chung và tỉnh An Giang nói riêng trong năm 2021 và có thể còn kéo dài hơn.

Thị trường nguyên vật liệu có liên quan đến lĩnh vực sản xuất cơ khí, vật liệu chính là sắt thép có dấu hiệu tăng giá bất thường, giá cả tăng cao so với năm 2020 khoảng 25%-30%, từ đó dẫn đến các chủ đầu tư tạm ngưng xây dựng nên công ty đang gặp khó khăn trong việc nhận hàng cầu thép.

Trong năm 2021 Nhà nước đang thay đổi chính sách phát triển năng lượng tái tạo, cụ thể là việc kinh doanh lắp đặt sản phẩm điện năng lượng mặt trời áp mái của công ty sang năm 2021 tạm ngưng kinh doanh đang chờ chính sách mới.

Với tình hình chung rất nhiều khó khăn, Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam cũng đề nghị các Công ty thành viên trong việc xây dựng kế hoạch năm 2021 theo phương hướng như sau:

- Đảm bảo sản xuất ổn định và có tăng trưởng nhẹ.
- Đảm bảo đời sống của người lao động.
- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước.
- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường và phát triển sản phẩm.

Trên tinh thần đó, Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2021 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu:

TT	DIỄN GIẢI	ĐVT	TH.2020	KH.2021	%
					KH2021/2020
1	Tổng doanh thu	Trđ	179.443	183.000	101,98
	- Doanh thu bán hàng & CCDV hợp nhất	-	134.210	144.000	107,29
	- Doanh thu bán hàng nội bộ	-	26.093	25.000	95,81
	- Doanh thu hoạt động tài chính	-	19.140	14.000	73,15
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Trđ	19.260	15.800	82,04
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	Trđ	18.962	15.472	81,59
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	4.813	3.937	81,8
5	Phải nộp ngân sách	Trđ	9.001	5.900	65,55
6	Tổng quỹ lương	Trđ	23.674	23.345	98,61
7	Lao động bình quân	Người	228	227	99,56
8	Tiền lương b/q người lao động	Trđ	8,65	8,57	99,08
9	Đầu tư XDCB	Trđ	3.387	6.100	180,1

Một số giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục củng cố bộ máy quản lý và hoàn thiện hệ thống Quản trị Doanh nghiệp.
- Lập báo cáo quyết toán và thực hiện kiểm toán độc lập đúng qui định của pháp luật.
- Điều hành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.
- Duy trì hiệu lực Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và 5S, đẩy mạnh công tác thi đua sáng kiến, cải tiến liên tục.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.
- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại tiếp cận các công ty chế biến lương thực, các chủ đầu tư, tiếp tục quảng cáo các kênh truyền thông về các sản phẩm cầu thép, thiết bị sấy, thùng chứa, cửa cổng, nhà tiền chế..., tăng cường phát triển thương mại các sản phẩm máy kéo Belarus, xe tải, phụ tùng máy sấy, máy gặt..., nhằm giữ vững thị phần và tiếp tục mở rộng thị trường mới.
- Về kế hoạch đầu tư năm 2021, Công ty tiếp tục đầu tư đổi mới công nghệ theo hướng tự động hoá, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện điều kiện lao động, tăng năng lực sản xuất và thân thiện với môi trường, đầu tư xây dựng nâng cấp nhà xưởng và các trang bị nhỏ lẻ phục vụ cho sản xuất thường xuyên của đơn vị.
- Ban điều hành cùng với lãnh đạo các đoàn thể, lập phương án phối hợp hoạt động để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ SXKD, qua đó động viên khuyến khích người lao động thực hiện tốt nội quy, quy chế, đảm bảo giờ công, đảm bảo an toàn trong lao động, tiết kiệm vật tư nguyên liệu, đồng thời chăm lo tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.
- Tăng cường công tác thu hồi công nợ và xử lý hàng tồn kho.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Trong năm 2020, Công ty tổ chức thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, định kỳ theo kế hoạch đều có thực hiện công tác kiểm tra an toàn ở các xưởng sản xuất, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định. Tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động và khám sức khỏe cho người lao động trong Công ty.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty
- » Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- » Tình hình và kết quả giám sát trong năm

04

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% Thực hiện 2020/ Kế hoạch 2020	% Thực hiện 2020/ Thực hiện 2019
Doanh thu thuần	109.073	177.190	113.495	64,05%	104,05%
Lợi nhuận từ HĐKD	17.757	15.667	20.032	127,86%	112,81%
Lợi nhuận khác	137	0	467		340,88%
Lợi nhuận trước thuế	19.893	15.667	20.499	130,84%	103,05%
Lợi nhuận sau thuế	17.510	15.334	19.933	129,99%	113,84%

Tổng kết năm 2020, hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy nhiều chỉ tiêu quan trọng đã đạt và vượt kế hoạch. Tuy nhiên, hiện vẫn còn một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch cần phải cải thiện trong thời gian tới.

Cụ thể hơn, tổng doanh thu trong năm vừa qua chỉ đạt hơn 113,49 tỷ đồng, cao hơn thực hiện ở năm 2019 là 4,05% nhưng chỉ đạt 64,05% so với kế hoạch đặt ra tại Đại hội cổ đông thường niên 2020. Lý do là trong thời gian gần đây, việc cạnh tranh trong lĩnh vực cơ khí nông nghiệp ngày càng mạnh khi có sự gia nhập của các doanh nghiệp nước ngoài có trình độ công nghệ tiên tiến. Đơn cử là các loại máy gặt đập từ thương hiệu Kubota hầu như chiếm hơn nửa thị trường Việt Nam đã gây khó khăn cho các doanh nghiệp như CKA. Vì vậy, CKA cần phải có những cải tiến trong sản xuất, mở rộng các dịch vụ chăm sóc khách hàng; bảo trì, bảo dưỡng máy khi cần thiết cho khách hàng.

Mặc dù tổng doanh thu năm 2020 chưa đạt so với kế hoạch đề ra nhưng với sự kiểm soát tốt giá vốn hàng bán đặc biệt là giá vật tư xây dựng đã mang lại cho CKA một mức lợi nhuận tăng. Cụ thể lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt giá trị gần 20 tỷ đồng, tăng 12,81% so với năm 2019, . Thêm vào đó, các chi phí phát sinh trong năm cũng giảm đáng kể giúp mang lại lợi nhuận sau thuế đạt 20,50 tỷ đồng, vượt kế hoạch đặt ra ở đầu năm 30,84%.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

BGD điều hành cùng với các cán bộ chủ chốt và người lao động toàn Công ty đã tích cực triển khai thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, kế hoạch SXKD của năm 2020 và những vấn đề về quản trị phát triển Công ty.

Những công việc làm được:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD, kế hoạch lao động tiền lương và các kế hoạch khác đạt kết quả tương đối tốt trong tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.
- Điều hành hoạt động của Công ty tương đối đồng bộ; Sắp xếp bộ máy và phân công người làm công tác quản trị tương đối hợp lý; Đầu tư máy móc thiết bị từng bước được cải thiện, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần tiết giảm chi phí và bảo đảm an toàn cho người lao động.
- Công ty tổ chức thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định. Tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động và khám sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Công ty.
- Công ty duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công tác 5S trong toàn Công ty, đồng thời đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2010 và áp dụng phương pháp quản lý tinh gọn (LEAN).
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp như nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động; Tiết kiệm, tiết giảm chi phí để hạ giá bán nhằm tăng tính cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2020, Cty phát động phong trào đề xuất sáng kiến cải tiến liên tục, kết quả có 275 sáng kiến cải tiến từ đó đã làm lợi cho Công ty hàng trăm triệu đồng.
- Năm 2020, Công ty tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị nhằm đổi mới công nghệ sản xuất theo hướng hiện đại, tự động, tăng chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tăng tính cạnh tranh các sản phẩm của Công ty, cụ thể như: 02 máy tiện CNC, 04 dầm cầu trục, 01 hệ thống điện mặt trời áp mái công suất 151KWP tại Văn phòng Công ty... Nhìn chung, công tác đầu tư bổ sung các máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất, phát huy hiệu quả tốt, đáp ứng được mục tiêu đề ra.
- Về công tác thị trường, Công ty đã tích cực giới thiệu các sản phẩm bằng nhiều hình thức như: Lập kế hoạch chủ động tiếp cận các chủ đầu tư, các Cty tư vấn thiết kế, người tiêu dùng để tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, Cty còn tổ chức quảng bá sản phẩm trên các trang Web, tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài nước, ...
- Về công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới tiếp tục được Công ty quan tâm thực hiện : Tập trung vào các sản phẩm phục vụ cho thu hoạch, sau thu hoạch và cầu thép phục vụ giao thông nông thôn. Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện nghiên cứu, thiết kế và đưa vào thương mại 11 sản phẩm mới như: Máy sàng đường phèn; Thiết bị điều khiển tự động của xe đào, chuyển đổi từ động cơ Diesel sang động cơ điện; Cầu NT5.5MV nhịp dài 33m tải trọng 5 tấn; Cầu NT2.6H nhịp dài 36m tải trọng 5 tấn...
- BGD điều hành đã chỉ đạo lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của luật pháp.

Những công việc còn tồn đọng:

- Công tác quyết toán cổ phần hóa Công ty vẫn chưa thực hiện xong. Việc xác định lại giá trị doanh nghiệp lần II giữa Công ty cổ phần Cơ khí An Giang, Bộ Tài chính và Bộ Công thương vẫn còn một vài điểm chưa thống nhất.
- Hiện nay, Tổng Công ty VEAM và Công ty cổ phần Cơ khí An Giang vẫn đang chờ văn bản trả lời chính thức của Bộ Công Thương và Bộ Tài chính.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ

- » Các cuộc họp HĐQT và BKS
- » Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị
- » Hoạt động giám sát của ban kiểm soát đối với hội đồng quản trị, ban giám đốc và cổ đông

05

Các cuộc họp HĐQT

TT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Văn Tuấn Anh	9	100%	
2	Đổng Trọng Nghĩa	5	100%	
3	Nguyễn Chí Thành	9	100%	
4	Trần Văn Thái	9	100%	
5	Lê Thanh Vân	9	100%	

Các cuộc họp thành viên BKS

TT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Quách Kim Long	2	100%	
2	Nguyễn Thanh Vi	2	100%	
3	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	1	100%	
4	Nguyễn Thành Nghề	1	100%	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị Quyết HĐQT lần 1/2020	08/05/2020	<ul style="list-style-type: none">Điều 1: Thống nhất điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu: 177.190 triệu đồng.- Lợi nhuận trước thuế: 15.667 triệu đồng.- Lợi nhuận sau thuế: 15.334 triệu đồng.- Nộp ngân sách: 5.037 triệu đồng. -Tỷ suất cổ tức/vốn điều lệ: 31,75%.Điều 2: Thống nhất thông qua ngày đại hội và các tài liệu chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:<ul style="list-style-type: none">- Thống nhất chọn ngày 22/5/2020 tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.- Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị tài liệu, gửi thư mời và scan các báo cáo lên Website của Công ty đúng theo qui định.Điều 3: Tổ chức thực hiện Ban Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang tổ chức thực hiện tốt các điều được nêu trong nghị quyết này.	100%
2	Nghị Quyết HĐQT lần 5/2020	17/7/2020	<ul style="list-style-type: none">Điều 1: Hoạt động sản xuất kinh doanh<ul style="list-style-type: none">- Nhất trí tiếp tục hoàn thành kế hoạch doanh thu & lợi nhuận 2020 đã đề ra.- Hai công ty con thường xuyên xem xét lại lợi nhuận, đảm bảo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra.Điều 2: Công tác tổ chức -Giao Ban giám đốc điều hành công ty thực hiện việc tái cơ cấu hai công ty con để thoát lỗ.<ul style="list-style-type: none">- Giao Ban Giám đốc điều hành công ty đầu tư mạnh nguồn nhân lực cho phòng thị trường để đem khách hàng về cho văn phòng Công ty và các công ty con.- Giám đốc hai công ty con phải sắp xếp ngay lại nhân sự để giảm chi phí quản lý.Điều 3: Tổ chức thực hiện Ban Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang tổ chức thực hiện tốt các điều được nêu trong nghị quyết này. Nghị quyết này sẽ được kiểm điểm vào kỳ họp kế tiếp.	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
3	Nghị Quyết HĐQT lần 6/2020	11/8/2020	<p>Điều 1: Thông qua đơn xin từ nhiệm Kiểm soát viên Công ty của bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh.</p> <p>Điều 2: Thống nhất đề cử ông Nguyễn Thành Nghệ là thành viên Ban kiểm soát của Công ty.</p> <p>Điều 3: Giao Ban giám đốc điều hành công bố thông tin từ nhiệm của kiểm soát viên và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo đúng quy định của điều lệ công ty.</p>	100%
4	Nghị quyết HĐQT lần 7/2020	15/10/2020	<p>Điều 1: Hoàn thành doanh thu năm 2020 theo số kế hoạch; Hai Công ty con rà soát lại phương hướng và lĩnh vực kinh doanh, để đạt được kết quả về doanh thu, lợi nhuận theo kế hoạch đã đặt ra, tuyệt đối không để bị lỗ.</p> <p>Điều 2: Giao BGD điều hành chi đạo việc tái cơ cấu 2 công ty con; Giám đốc 2 công ty con sắp xếp lại nhân sự để giảm chi phí quản lý; Thống nhất cho phòng Tài chính kế toán tìm kiếm Công ty chuyên cung cấp phần mềm kế toán để thay thế cho phần mềm kế toán hiện nay.</p> <p>Điều 3: Ban giám đốc điều hành Công ty tổ chức thực hiện tốt các điều được nêu trong Nghị quyết này; Nghị quyết này sẽ được kiểm điểm vào kỳ họp kế tiếp.</p>	100%
5	Số 204/NQ-CK	11/11/2020	<p>Điều 1: HĐQT thống nhất thông qua việc chuyển nhượng tài sản là công trình và quyền sở hữu công trình Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm quyền sử dụng đất) cho Công ty TNHH Toyota cần Thơ</p> <p>Điều 2: Giao cho Ban giám đốc điều hành công ty tiến hành hoàn chỉnh các thủ tục có liên quan đến việc chuyển nhượng này theo đúng Điều lệ Công ty.</p> <p>Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực</p>	100%

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

Đối với Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban Điều hành, Ban Kiểm soát và Giám đốc các Công ty con tham gia, đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Hội đồng quản trị đã chủ động đánh giá thị trường, căn cứ tình hình kinh doanh của Công ty để ban hành các Nghị quyết và Quyết định theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ Công ty để định hướng hoạt động cho BDH.

Các thành viên HĐQT không có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn của mình để trục lợi cá nhân hoặc xung đột lợi ích với Công ty.

Đối với Điều hành

Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT để đưa ra các biện pháp chỉ đạo các phòng ban chủ động trong công việc; áp dụng các biện pháp để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí và kiểm soát chặt chẽ tiêu thụ nguyên nhiên liệu trong quá trình sản xuất.

Đánh giá chung, Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, bám sát và thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của ĐHĐCĐ, cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Ban điều hành đã ban hành các Quyết định, tờ trình theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ.

TT	Tên tổ chức/cá nhân	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH Liên doanh Antra-co	1600175162	ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, Tri Tôn, An Giang	10/8/2020	Nâng cấp cải tạo xe đào; tổng giá trị: 712.495.000 đồng
2	Công ty TNHH MTV Khách Sạn Yên Châu	1602097657	380 Hoàng Diệu, P. Châu Phú B, TP Châu Đốc, An Giang	11/2020	Lắp 24,3 Kwp điện NLMT, tổng giá trị: 327.000.000 đồng
3	Công ty TNHH MTV Quách Nguyên Thông	1602057943	Tỉnh lộ 955B ấp Rò Leng, xã Châu Lăng, Tri Tôn, An Giang	12/2020	Lắp 16,2 Kwp điện NLMT, tổng giá trị: 257.000.000 đồng

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Lương	Thưởng	Tổng cộng
1	Hội đồng quản trị			
	Trần Vạn Tuấn Anh	48.000.000	30.000.000	78.000.000
	Đổng Trọng Nghĩa	21.000.000	-	21.000.000
	Nguyễn Chí Thành	36.000.000	7.000.000	43.000.000
	Trần Văn Thái	36.000.000	7.000.000	43.000.000
	Lê Thanh Vân	36.000.000	7.000.000	43.000.000
	Nguyễn Minh Ngọc	15.000.000	20.000.000	35.000.000
2	Ban kiểm soát			
	Quách Kim Long	36.000.000	7.000.000	43.000.000
	Nguyễn Thanh Vi	18.000.000	3.000.000	21.000.000
	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	12.000.000	2.000.000	14.000.000
	Nguyễn Thành Nghề	4.500.000	1.000.000	5.500.000
3	Ban điều hành			
	Nguyễn Chí Thành	700.724.000	233.368.028	934.092.028
	Trần Văn Thái	424.363.000	128.577.153	552.940.153
	Lê Thanh Vân	424.363.000	128.577.153	552.940.153
	Huỳnh Văn An	410.314.000	108.033.772	518.347.772
	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	65.212.127	-	65.212.127





BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

06

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Trọng Nghĩa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14/01/2021, giữ vị trí thành viên từ ngày 22/05/2020 đến ngày 14/01/2021)
Ông Trần Văn Tuấn Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/01/2021)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/05/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nghệ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/10/2020)
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06/10/2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Vân	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Chí Thành - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

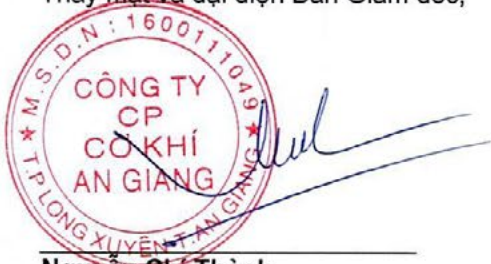
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Chí Thành

Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Số: 1185/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

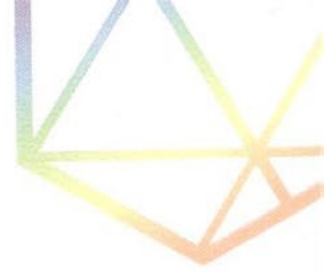
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.17 của bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty còn phải trả Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) số tiền nợ vay là 6 tỷ đồng. Khoản vay này đã đến hạn thanh toán vào ngày 16 tháng 11 năm 2012. Đến thời điểm hiện tại, Công ty và VEAM chưa thực hiện ký kết các phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận gia hạn nợ. Tuy nhiên theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên vào ngày 14 tháng 1 năm 2021 cho thấy VEAM đã nhiều lần yêu cầu Công ty thu xếp các nguồn thu để thanh toán dứt điểm số dư nợ nêu trên. Công ty cam kết trong năm 2021 sẽ thanh toán cho VEAM số tiền 3 tỷ đồng, số còn lại sẽ được thanh toán tiếp khi cân đối được nguồn thu.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VI.3 và chính sách kế toán có liên quan của Công ty thể hiện rằng khoản lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của Công ty liên doanh. Giá trị lợi nhuận Công ty ghi nhận đã được đối chiếu và xác nhận bởi công ty liên doanh. Do báo cáo tài chính riêng đã ghi nhận toàn bộ kết quả kinh doanh được hưởng trong công ty liên doanh nên không có bất cứ khoản điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất.


Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Lương Giảng Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

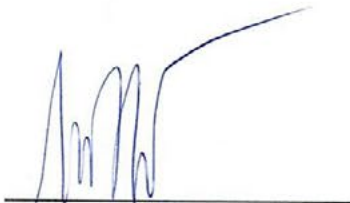
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.264.204.968	117.819.361.587
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.966.685.484	9.090.306.297
1. Tiền	111	V.1	5.966.685.484	9.090.306.297
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.000.000.000	400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		84.196.587.965	86.828.870.185
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	63.447.673.443	65.568.228.507
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.755.563.567	530.374.136
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.821.900.447	22.858.054.151
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.828.549.492)	(2.127.786.609)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	20.038.225.229	21.353.088.200
1. Hàng tồn kho	141		21.762.733.525	22.685.597.827
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.724.508.296)	(1.332.509.627)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		62.706.290	147.096.905
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7.a	62.706.290	96.919.097
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8.a	-	50.177.808
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.445.865.105	63.661.451.230
I. Tài sản cố định	220		22.781.072.695	21.899.417.228
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	22.781.072.695	21.899.417.228
- Nguyên giá	222		51.853.277.786	48.466.116.722
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.072.205.091)	(26.566.699.494)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.565.843.521	29.588.969.780
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.565.843.521	29.588.969.780
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	7.956.213.357	7.956.213.357
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	7.956.213.357	7.956.213.357
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.142.735.532	4.216.850.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.b	3.472.818.137	3.554.517.392
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13.a	669.917.395	662.333.473
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		147.710.070.073	181.480.812.817

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		56.298.838.069	99.298.533.914
I. Nợ ngắn hạn	310		56.087.606.070	99.058.847.911
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	8.904.018.365	5.431.356.093
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.053.758.074	34.786.177.875
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8.b	2.490.284.290	2.128.376.627
4. Phải trả người lao động	314		1.649.902.815	1.644.502.842
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.766.333.785	10.252.893.624
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.a	7.648.641.608	7.689.193.072
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.a	22.000.000.000	34.004.904.426
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.574.667.133	3.121.443.352
II. Nợ dài hạn	330		211.231.999	239.686.003
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.b	90.000.000	90.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.b	-	-
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13.b	121.231.999	149.686.003
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		91.411.232.004	82.182.278.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	91.338.696.101	82.093.740.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.848.061.799	16.003.750.487
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.208.362.179	29.807.717.390
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.234.909.390	19.138.591.826
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.973.452.789	10.669.125.564
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	88.538.903
2. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	88.538.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		147.710.070.073	181.480.812.817


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
P. Trưởng phòng TCKT


Nguyễn Chí Thành
Giám đốc


Ngày 23 tháng 3 năm 2021


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	134.309.079.034	135.407.246.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	98.567.980	22.500.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	134.210.511.054	135.384.746.660
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	111.329.762.933	107.163.595.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.880.748.121	28.221.151.419
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.140.816.401	16.980.034.583
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.370.782.160	2.383.454.341
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.299.731.966	2.379.203.821
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(3.861.598.818)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.588.238.725	2.660.754.194
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19.268.713.806	19.809.554.728
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		18.793.829.831	16.485.823.921
12. Thu nhập khác	31	VI.7	466.771.236	335.297.478
13. Chi phí khác	32		205.002	92.481.301
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		466.566.234	242.816.177
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.260.396.065	16.728.640.098
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	334.358.578	595.976.603
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.13	(36.037.926)	462.484.119
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		18.962.075.413	15.670.179.376
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		18.962.075.413	15.670.179.376
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	4.813	3.962


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
P. Trưởng phòng TCKT



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.260.396.065	16.728.640.098
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.505.505.597	3.039.129.517
Các khoản dự phòng	03	92.761.552	500.162.230
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.840.705	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.099.986.518)	(13.106.708.464)
Chi phí lãi vay	06	1.299.731.966	2.379.203.821
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.070.249.367	9.540.427.202
Giảm các khoản phải thu	09	688.219.991	2.256.591.700
Giảm hàng tồn kho	10	922.864.302	8.995.772.641
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(30.099.960.612)	14.740.574.475
Giảm chi phí trả trước	12	115.912.062	603.384.975
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.386.168.529)	(2.378.694.308)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(595.976.603)	(214.538.791)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	74.800.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.707.090.531)	(3.328.617.261)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(29.991.950.553)	30.289.700.633
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.432.404.585)	(26.493.248.220)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	29.080.049.991	97.893.692
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(600.000.000)	(400.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.409.359.567	23.205.429.004
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	45.457.004.973	(3.589.925.524)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)


(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	67.635.531.231	68.198.766.398
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(79.640.435.657)	(87.636.000.709)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(18.577.712.426)	(26.010.042.311)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(3.112.658.006)	689.732.798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.090.306.297	8.400.573.499
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.962.807)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5.966.685.484	9.090.306.297


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 P.Trưởng phòng TCKT


Nguyễn Chí Thành
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần thay đổi.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 VND, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cầu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
1. Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	49%	50%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Góp vốn liên doanh** (tiếp theo)

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao** (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thuDoanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	430.690.928	458.151.135
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.535.994.556	8.632.155.162
Cộng	5.966.685.484	9.090.306.297

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	208.680.739	232.207.350
Khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Xây dựng An Đại Lộc	5.616.002.156	7.419.066.300
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Hà Tiên	4.500.000.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	1.890.491.000	5.353.952.000
Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	411.270.000	8.644.284.636
Các khách hàng khác	50.821.229.548	43.918.718.221
Cộng	63.447.673.443	65.568.228.507

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông - Chi nhánh Cần Thơ	787.680.000	-
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	-	130.000.000
Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh	-	70.000.000
Các nhà cung cấp khác	967.883.567	330.374.136
Cộng	1.755.563.567	530.374.136

Trong đó, trả trước cho người bán là bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	3.004.806	-
--	-----------	---

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận từ công ty liên doanh	18.986.566.937	21.264.120.697
Tạm ứng cho nhân viên	766.809.146	628.267.610
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	600.667.000	600.667.000
Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	43.499.500
Các khoản phải thu khác	169.517.428	23.159.408
Cộng	<u>20.821.900.447</u>	<u>22.858.054.151</u>
<i>Trong đó, phải thu khác với bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	18.986.566.937	21.264.120.697
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	8.450.000	8.450.000
Cộng	<u>18.995.016.937</u>	<u>21.272.570.697</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.142.975.081	314.425.589	(1.828.549.492)	208.937.353
			2.336.723.962	(2.127.786.609)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.251.948.675	(149.717.165)	8.804.834.352	-
Công cụ, dụng cụ	164.643.057	(132.061.226)	174.277.874	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.883.243.935	-	6.240.036.247	-
Thành phẩm	2.042.127.087	(1.403.877.986)	4.434.674.964	(1.332.509.627)
Hàng hóa	2.420.770.771	(38.851.919)	3.031.774.390	-
Cộng	21.762.733.525	(1.724.508.296)	22.685.597.827	(1.332.509.627)

7. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	62.706.290	96.919.097
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng, thuê đất chờ phân bổ (i)	2.083.333.334	2.291.666.667
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.279.018.345	1.057.698.732
Chi phí sửa chữa tài sản	110.466.458	205.151.993
Cộng	3.472.818.137	3.554.517.392

(i) Đây là chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với TCTC (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	50.177.808	50.177.808	-	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.532.400.024	6.396.305.583	5.775.207.895	2.153.497.712
Thuế thu nhập doanh nghiệp	595.976.603	334.358.578	595.976.603	334.358.578
Thuế thu nhập cá nhân	-	560.197.328	557.769.328	2.428.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.638.755.398	1.638.755.398	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	71.611.048	71.611.048	-
Cộng	2.128.376.627	9.001.227.935	8.639.320.272	2.490.284.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	16.400.761.444	25.099.647.884	6.740.531.030	225.176.364	48.466.116.722
Tăng trong năm	-	3.294.985.455	-	-	3.294.985.455
Xây dựng cơ bản hoàn thành	92.175.609	-	-	-	92.175.609
Tại ngày 31/12/2020	16.492.937.053	28.394.633.339	6.740.531.030	225.176.364	51.853.277.786
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	8.703.098.053	12.416.890.645	5.269.408.935	177.301.861	26.566.699.494
Khấu hao trong năm	572.039.668	1.605.590.106	296.248.550	31.627.273	2.505.505.597
Tại ngày 31/12/2020	9.275.137.721	14.022.480.751	5.565.657.485	208.929.134	29.072.205.091
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	7.697.663.391	12.682.757.239	1.471.122.095	47.874.503	21.899.417.228
Tại ngày 31/12/2020	7.217.799.332	14.372.152.588	1.174.873.545	16.247.230	22.781.072.695

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 9.289.551.615 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 6.860.351.838 VND).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 605.753.052 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 439.205.052 VND).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.17, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 2.648.393.322 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 lần lượt là 11.085.813.207 đồng và 3.391.615.055 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	65.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	65.000.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời	1.045.243.521	-
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	520.600.000
Dự án xây dựng trạm bảo hành, bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô (i)	-	29.068.369.780
Cộng	1.565.843.521	29.588.969.780

(i) Dự án Xây dựng trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC). TCTC có trách nhiệm góp vốn để sửa chữa trung tâm này. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo và trang bị cho Trung tâm, Công ty đã thực hiện chuyển giao tài sản cho Công ty TNHH Toyota Cần Thơ để toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án (xem thêm tại *Thuyết minh VII.2*).

Mặc dù tài sản đã chuyển giao cho TCTC sử dụng nhưng Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình vẫn do Công ty đứng tên do công trình nằm trên đất Công ty thuê của Nhà nước và trả tiền thuê hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Đầu tư vào công ty liên doanh

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	(i) 7.956.213.357	-
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	7.956.213.357		7.956.213.357	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Các khoản dự phòng VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại			
Tại ngày 01/01/2019	520.541.987	454.589.602	975.131.589
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	509.573.598	(196.775.482)	312.798.116
Tại ngày 01/01/2020	10.968.389	651.365.084	662.333.473
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(279.278.553)	271.694.631	(7.583.922)
Tại ngày 31/12/2020	290.246.942	379.670.453	669.917.395
b. Thuế hoãn lại phải trả			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(149.686.003)	-	(149.686.003)
Tại ngày 01/01/2020	149.686.003	-	149.686.003
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(28.454.004)	-	(28.454.004)
Tại ngày 31/12/2020	121.231.999	-	121.231.999
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			(36.037.926)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan				
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	52.551.700	52.551.700	324.934.250	324.934.250
Người bán khác				
Kokura Tetsudo Co.Ltd.	2.381.184.000	2.381.184.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Hiếu Hạnh	1.407.891.978	1.407.891.978	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ 67 Long Xuyên	10.198.273	10.198.273	1.095.406.152	1.095.406.152
Các nhà cung cấp khác	5.052.192.414	5.052.192.414	4.011.015.691	4.011.015.691
Cộng	8.904.018.365	8.904.018.365	5.431.356.093	5.431.356.093

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	7.701.836.487	8.989.459.763
Chi phí lãi vay	19.497.298	1.105.933.861
Chi phí phải trả khác	45.000.000	157.500.000
Cộng	7.766.333.785	10.252.893.624
Trong đó, chi phí phải trả với các bên liên quan		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	1.100.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	16.000.000.000	16.000.000.000	65.531.626.367	72.562.396.992	23.030.770.625	23.030.770.625
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Xuyên	-	-	2.103.904.864	4.580.181.616	2.476.276.752	2.476.276.752
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000	67.635.531.231	77.142.578.608	25.507.047.377	25.507.047.377
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000			8.497.857.049	8.497.857.049
Cộng	22.000.000.000	22.000.000.000			34.004.904.426	34.004.904.426

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	6.000.000.000	6.000.000.000	-	2.497.857.049	8.497.857.049	8.497.857.049
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	-	2.497.857.049	8.497.857.049	8.497.857.049
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)			(8.497.857.049)	(8.497.857.049)
Tổng cộng	-	-			-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. Phải trả khác**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Lợi nhuận phải trả	406.081.488	406.081.488
Các khoản khác	107.748.937	148.300.401
Cộng	7.648.641.608	7.689.193.072
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	90.000.000
Trong đó, phải trả khác với bên liên quan		
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (i)	406.081.488	406.081.488

(i) Đây là lợi nhuận liên doanh trước khi thực hiện cổ phần hóa phải trả cho Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay

<u>Bên cho vay</u>	<u>Số dư</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Ngày đáo hạn</u>	<u>Lãi suất vay</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Tài sản đảm bảo</u>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	16.000.000.000	6 tháng	03/05/2021	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 7%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	6.000.000.000	1 năm	Đã đến hạn thanh toán	5,00%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	32.864.040.000	13.653.223.581	3.418.232.123	25.711.399.826	75.646.895.530
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	15.670.179.376	15.670.179.376
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	2.350.526.906	-	(2.350.526.906)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.650.526.906)	(2.650.526.906)
Tại ngày 01/01/2020	32.864.040.000	16.003.750.487	3.418.232.123	29.807.717.390	82.093.740.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.962.075.413	18.962.075.413
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.844.311.312	-	(2.844.311.312)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(3.144.311.312)	(3.144.311.312)
Tại ngày 31/12/2020	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	36.208.362.179	91.338.696.101

(i) Trong năm, Công ty đã tạm trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty và các Công ty con theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020 do Đại hội đồng Cổ đông 2020 phê duyệt. Số liệu cuối cùng về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

c. Cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện việc chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 5 năm 2020 với tỷ lệ 20% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 6.572.808.000 đồng. Cổ tức của năm 2019 sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu xây dựng các loại cầu	63.966.846.307	93.035.129.819
Doanh thu bán thành phẩm	45.507.891.738	26.122.661.049
Doanh thu bán hàng hóa	22.554.377.353	13.699.746.699
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.279.963.636	2.549.709.093
Cộng	134.309.079.034	135.407.246.660
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	98.567.980	22.500.000
Chiết khấu thương mại	-	-
Cộng	98.567.980	22.500.000
Doanh thu thuần	134.210.511.054	135.384.746.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	53.411.151.246	71.882.551.531
Giá vốn bán thành phẩm	35.783.561.952	21.031.808.973
Giá vốn bán hàng hóa	21.091.957.093	12.493.367.574
Giá vốn cung cấp dịch vụ	651.093.973	903.716.930
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	391.998.669	852.150.233
Cộng	<u>111.329.762.933</u>	<u>107.163.595.241</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận từ liên doanh Antraco (i)	18.986.566.937	16.264.120.697
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	101.739.370	708.490.110
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.510.094	7.423.776
Cộng	<u>19.140.816.401</u>	<u>16.980.034.583</u>

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	<u>18.986.566.937</u>	<u>16.264.120.697</u>
---------------------------------	-----------------------	-----------------------

(i) Lợi nhuận được ghi nhận theo tỷ lệ sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm đã được kiểm toán của Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Giá trị ghi nhận đã được đối chiếu và xác nhận bởi công ty liên doanh.

4. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.299.731.966	2.379.203.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	59.209.489	4.250.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	11.840.705	-
Cộng	<u>1.370.782.160</u>	<u>2.383.454.341</u>

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	<u>273.554.696</u>	<u>552.534.245</u>
--	--------------------	--------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.530.597.000	987.109.000
Chi phí nhân viên	277.969.040	477.170.870
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.502.671	22.502.672
Chi phí vật liệu bao bì	2.653.944	22.895.000
Chi phí vận chuyển, thử tải	514.790.976	920.318.604
Chi phí bảo hành	115.748.622	86.084.596
Chi phí bằng tiền khác	123.976.472	144.673.452
Cộng	2.588.238.725	2.660.754.194

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.956.164.887	14.010.619.400
Chi phí đồ dùng văn phòng	141.242.359	161.903.417
Chi phí khấu hao TSCĐ	475.960.708	745.140.960
Thuế, phí và lệ phí	1.208.435.778	1.420.382.660
Chi phí dự phòng	1.126.581.559	140.960.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.873.658.384	1.526.780.237
Chi phí bằng tiền khác	1.486.670.131	1.803.767.280
Cộng	19.268.713.806	19.809.554.728

7. Thu nhập khác

	2020	2019
	VND	VND
Thu hồi nợ đã xóa sổ	354.138.000	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	11.680.211	97.893.692
Thu hỗ trợ thực hiện đề án khuyến nông quốc gia	-	195.000.000
Thu nhập khác	100.953.025	42.403.786
Cộng	466.771.236	335.297.478

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.260.396.065	16.728.640.098
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	686.192.079	1.289.597.150
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(18.986.566.937)	(16.283.063.122)
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	3.861.598.818
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	-	682.019.457
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	1.538.662.780	(3.298.909.385)
Thu nhập chịu thuế	2.498.683.987	2.979.883.016
Chuyển lỗ	(167.376.498)	-
Thu nhập tính thuế	2.331.307.489	2.979.883.016
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	466.261.498	595.976.603
Thuế TNDN được giảm (i)	(131.902.920)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	334.358.578	595.976.603

(i) Đây là số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định số 114/ 2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020. Theo đó, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	18.962.075.413	15.670.179.376
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(3.144.311.312)	(2.650.526.906)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.817.764.101	13.019.652.470
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.813	3.962

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất. Số trích lập của năm 2020 sẽ được Công ty ghi nhận chính thức căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Cam kết thuê hoạt động**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.590.106.264	1.804.096.816

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Sau năm năm	11.859.178.277	13.849.967.847
Cộng	21.813.127.037	23.803.916.607

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

2. Cam kết không hủy ngang

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe oto. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	2.497.857.049	3.000.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm

	2020 VND	2019 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.106.746.300	2.105.453.782

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm

	2020 VND	2019 VND
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	280.500.000	282.000.000


4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
P.Trưởng phòng TCKT


Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021



An Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Chí Thành